TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày 25-6-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm;
2. Bà Trần Thị Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị P – sinh năm 1974;
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1975, Luật sư của Văn phòng luật sư Q thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ: 301 T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị B – sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1966
+ Anh Lê Hoài G, sinh năm 1993

+ Anh Lê Hoài Đ, sinh năm 1996

+ Chị Lê Thị Thu T2, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn, luật sư của nguyên đơn đều có mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoài G, chị Lê Hoài Đ, chị Lê Thị Thu T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2018, Văn bản trình bày về việc sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 13/01/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ hàng xóm, láng giềng với nhau nên vào ngày 20/12/2013 (âm lịch), bà Huỳnh Thị B có vay tiền của nguyên đơn với số tiền là 200.000.000 đồng, bị đơn có viết giấy vay. Mục đích vay bị đơn nói để sử dụng đáo hạn cho Ngân hàng; khi vay tiền bị đơn nói vay tạm trong thời hạn 10 ngày sẽ trả lại; hai bên không có thỏa thuận việc tính lãi. Ngoài ra, bị đơn còn rủ nguyên đơn chơi hụi và nợ của nguyên đơn số tiền hụi 34.000.000 đồng. Đến ngày trả nợ nguyên đơn đòi nợ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không trả. Năm 2015, nguyên đơn có gửi đơn đến Công an huyện Đức Phổ yêu cầu giải quyết việc bị đơn nợ tiền nguyên đơn, đến ngày 26/11/2015, bị đơn và chồng của bị đơn là ông Lê M viết giấy cam kết nhận nợ của nguyên đơn số tiền 234.000.000 đồng. Theo nội dung giấy cam kết thì bị đơn hứa sẽ trả cho nguyên đơn mỗi tháng 3.000.000 đồng, nhưng bị đơn vẫn không trả. Sau đó, nguyên đơn có mua nợ vật liệu xây dựng tại cửa hàng của bị đơn với số tiền 18.000.000 đồng, bị đơn và nguyên đơn thống nhất trừ vào số tiền hụi bị đơn nợ hụi là 34.000.000 đồng, tiền hụi còn nợ của nguyên đơn là 16.000.000 đồng. Hiện nay chồng của bị đơn là ông Lê M đã chết và bị đơn là người trực tiếp vay tiền của nguyên đơn nên gnuyeen đơn chỉ yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị B trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu trả lãi. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi 16.000.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con của bà Báu là anh Lê Hoài G, anh Lê Hoài Đ, chị Lê Thị Thu T2 đã được tống đật hợp lệ thông báo về việc thụ lý và các văn bản tố tụng khác, nhưng các đương sự nêu trên không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 01/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T1 trình bày: ông là chồng bà Huỳnh Thị P, việc vay tiền giữa vợ ông và bà Huỳnh Thị B, ông không biết. Đến năm 2015 giữa vợ ông và bà Huỳnh Thị B ghi nợ ông có ký vào giấy nợ là người chứng kiến; số tiền vợ ông cho bà B vay là tiền cá nhân của vợ ông nên bà B phải trả cho cá nhân vợ ông. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và lạp biên bản không tiến hành hòa giải được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Hoài G, anh Lê Hoài Đ, chị Lê Thị Thu T2 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Huỳnh Thị B trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Về án phí: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Huỳnh Thị P có đơn khởi kiện bà Huỳnh Thị B trú ở thôn N, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại đơn khởi kiện bà Huỳnh Thị Pkhởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi với bà Huỳnh Thị B. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định ông Ngô Văn T1, các con của bị đơn là anh Lê Hoài G, anh Lê Hoài Đ, chị Lê Thị Thu T2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn là bà Huỳnh Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Hoài G, anh Lê Hoài Đ, chị Lê Thị Thu T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B, anh G, anh Đ và chị T2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227;

khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn xác định: Vào ngày 20/12/2013 (âm lịch), bị đơn có vay nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng. Hai bên không có thỏa thuận tính lãi và không có thỏa thuận thời hạn trả nợ. Mục đích vay tiền là để đáo hạn cho Ngân hàng. Đến ngày 26/11/2015 (âm lịch) hai bên có chốt lại số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 01 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi. Xét hợp đồng vay giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản cam kết ngày 26/11/2015 (âm lịch) có thể hiện bị đơn có vay nguyên đơn số tiền 200.000.0000 đồng, hiện số tiền nợ chưa trả. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ này là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tại bản cam kết ngày 26/11/2015 (âm lịch) còn thể hiện bị đơn nợ tiền giao dịch hụi và nợ tiền hụi của nguyên đơn số tiền 34.000.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận bà Huỳnh Thị B có trả cho nguyên đơn tiền hụi 18.000.000 đồng, còn nợ tiền hụi 16.000.000 đồng. Nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 16.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Ông Ngô Văn T1 là chồng của bà Huỳnh Thị P cho rằng số tiền bà P cho bà B vay 200.000.000 đồng là tiền riêng của bà P, ông không yêu cầu trả cho ông, nên Hội đồng xét xử buộc bà B trả nợ cho bà P là có căn cứ.

[3] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P; buộc bà Huỳnh Thị B phải trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Huỳnh Thị P là (200.000.000đồng x 5%) = 10.000.000đồng.

[6] Tại phiên tòa người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Xét đề nghị của người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 01 Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P. Buộc bà Huỳnh Thị B phải trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền nợ là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P yêu cầu bà Huỳnh Thị B trả số tiền nợ giao dịch hụi 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải chịu 10.000.000đồng (mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị P số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004813, ngày 13/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Thị B, ông Ngô Văn T1, anh Lê Hoài G, anh Lê Hoài Đ, chị Lê Thị Thu T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS huyện Đức Phổ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Sang